

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn HS, xã NS, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc K - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn CT, xã CT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và anh Bùi Ngọc K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Hà Thị T và anh Bùi Ngọc K có 02 con chung là Bùi Thị YN, sinh ngày 10/4/2006 và Bùi Quang H, sinh ngày 17/7/2007. Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N khi con chung thành niên. Anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H khi con chung thành niên. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị T và anh Bùi Ngọc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Chị Hà Thị T và anh Bùi Ngọc K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Hà Thị T chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000711 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA Dân sự huyện N;
- UBND xã CT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh